

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ – ST

Ngày: 26/02/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Diễm Anh Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh Thuần và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Ông Trần Thế Hiển – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 434/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Trần Thủy T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 314 THĐ, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Nguyễn Quang H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: 13/1 CT, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn xin ly hôn, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Trần Thủy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quang H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố T theo Giấy CNKH số 01 ngày 12/02/2018. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình, thiếu quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên can tha thứ nh anh H không biết sửa chữa khuyết điểm khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Hiện tại vợ chồng đã không còn sống chung, không liên lạc, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đòi

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 05/02/2020, hiện đang sống với chị T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Bị đơn Nguyễn Quang H được Tòa án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và không tiến hành hòa giải được.

#### **Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

+Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

##### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại 13/01 CT, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

##### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Trần Thuỷ T và anh Nguyễn Quang H tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố T nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn như đương sự đã trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nH bị đơn không tới tham gia các phiên hòa giải là không có thiện chí hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 05/02/2020, hiện đang sống với mẹ. Xét thời gian qua con chung do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của nguyên đơn là phù hợp; HĐXX chấp nhận giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không pH cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] **Về án phí:** Nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Trần Thuỷ T được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

- Về con chung: giao 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Nguyễn Trần Thuỷ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; anh Nguyễn Quang H không pH cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Nguyễn Trần Thuỷ T pH chịu 300.000đ (ba

*trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001742 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường 6, Tp T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Diễm Anh Trúc**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Minh Tuyết**

**Lê Thị Thanh Thuận**

**Lê Diễm Anh Trúc**

***Nơi nhận:***

- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường 6, Tp T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Diễm Anh Trúc**

